

**Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển**

**Ngày soạn: 01/09/2026**

**Giáo viên: Nguyễn Thị Linh**

**Lớp dạy: 11/3, 11/8, 11/9**

**Thời gian: tuần 1**

**PHẦN MỘT. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ-XÃ HỘI THẾ GIỚI**  
**TIẾT 1, 2. BÀI 1. SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**CỦA CÁC NHÓM NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người.
- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.
- Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước.
- Phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.
- Thu thập được tư liệu về kinh tế - xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau.

**2. Năng lực:**

**a) Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

**b) Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí: Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố các nhóm nước trên thế giới theo trình độ phát triển và giải thích nguyên nhân. Phát hiện và giải thích nguyên nhân dẫn đến sự phân chia thành các nhóm nước trên thế giới.
- Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ...
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân chia các nhóm nước trên thế giới. Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân chia thành các nhóm nước trên thế giới.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về quá khứ cũng như hiện tại phát triển của đất nước.
- Nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân.
- Chăm chỉ: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Trung thực: Nhận thức và hành động theo lẽ phải, minh bạch trong báo cáo số liệu kinh tế.
- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Máy tính cá nhân, Tivi, máy chiếu... kết nối mạng Internet.

**2. Học liệu:**

- SGK Địa lí 11.

- Bảng phụ (A2, A0), bút dạ, bút màu.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### 1. Ổn định:

| Tiết | Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|------|----------|-----|-------|---------|
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |

2. Kiểm tra bài cũ: Không kiểm tra.

#### 3. Hoạt động học tập:

#### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

##### a) Mục tiêu:

- Tạo sự hứng thú cho HS, huy động kiến thức nền về sự phân hóa giàu nghèo và trình độ phát triển kinh tế trên thế giới để dẫn dắt vào bài học.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, xem hình ảnh do AI tạo và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS xác định và nêu được đáp án:

- Câu hỏi 1: Khác nhau: cảnh quan, hạ tầng...; Quốc gia Nhật Bản & Việt Nam.
- Câu hỏi 2: Nhật Bản phát triển cao hơn, nhận biết qua chỉ số GNI/người và tuổi thọ.

##### d) Tổ chức thực hiện:

##### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV trình chiếu 2 bức ảnh và yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi:

- Ảnh sự đối lập giữa hai nhóm nước và đặt câu hỏi 1: “Hai hình ảnh này có điểm gì khác nhau? Theo em, chúng thuộc cùng một quốc gia hay không?”.
- Ảnh quốc gia Việt Nam và Nhật Bản và đặt câu hỏi 2: “Quốc gia nào có trình độ phát triển cao hơn? Dựa vào tiêu chí nào để nhận biết?”

##### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát màn chiếu, suy nghĩ trong 30 giây.
- HS vận dụng kiến thức, xây chuỗi kiến thức để suy nghĩ câu trả lời.

##### Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 2 HS phát biểu nhanh.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

##### Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động, câu trả lời của HS.
- GV dẫn dắt vào bài mới: Thế giới hiện nay có hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ được phân chia thành các nhóm nước khác nhau. Vậy chỉ tiêu nào được sử dụng để phân chia các nhóm nước? Các nhóm nước khác nhau có sự khác biệt như thế nào về trình độ phát triển kinh tế và xã hội?

#### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

##### Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về các nhóm nước

##### a) Mục tiêu:

- HS trình bày và giải thích được các tiêu chí phân loại nhóm nước phát triển và đang phát triển.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động cặp đôi, hoàn thành yêu cầu: Trình bày về phân loại các nhóm nước và chỉ tiêu phân loại (GNI/người, cơ cấu kinh tế và HDI)?

BẢNG 1.1. GNI/NGƯỜI, CƠ CẤU GDP VÀ HDI CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2020

| Chỉ tiêu |  | Cơ cấu GDP (%) | HDI |
|----------|--|----------------|-----|
|----------|--|----------------|-----|

| Nhóm nước             |                           | GNI/<br>người<br>(USD) | Nông<br>nghiệp,<br>lâm nghiệp<br>và thủy sản | Công<br>nghiệp<br>và xây<br>dựng | Dịch<br>vụ | Thuế sản<br>phẩm trừ<br>trợ cấp sản<br>phẩm |       |
|-----------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|------------|---------------------------------------------|-------|
| Phát<br>triển         | Đức                       | 47520                  | 0,7                                          | 26,5                             | 63,3       | 9,5                                         | 0,944 |
|                       | Hoa<br>Kỳ                 | 64140                  | 1,1                                          | 18,4                             | 80,1       | 0,4                                         | 0,920 |
|                       | Nhật<br>Bản               | 40810                  | 1,0                                          | 29,0                             | 69,5       | 0,5                                         | 0,923 |
| Đang<br>phát<br>triển | Bra-<br>xin               | 7800                   | 5,9                                          | 17,7                             | 62,8       | 13,6                                        | 0,758 |
|                       | Cộng<br>hòa<br>Nam<br>Phi | 6010                   | 2,5                                          | 23,4                             | 64,6       | 9,5                                         | 0,727 |
|                       | Việt<br>Nam               | 3390                   | 12,7                                         | 36,7                             | 41,8       | 8,8                                         | 0,710 |

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc, 2022)



Hình 1.1. Bản đồ HDI, GNI/người và cơ cấu GDP của một số nước trên thế giới năm 2020

### c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

#### I. CÁC NHÓM NƯỚC

\* Các nước trên thế giới phân chia thành nước phát triển và nước đang phát triển.  
\* Chỉ tiêu: tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người), cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người (HDI):

- GNI/người:

+ Phản ánh mức sống và năng suất lao động của người dân.

+ Có 4 nhóm thu nhập: cao, trung bình cao, trung bình thấp và thấp.

- Cơ cấu ngành kinh tế:

+ Phản ánh mức độ đóng góp của các ngành kinh tế vào GDP.

+ Thể hiện trình độ phát triển khoa học - công nghệ, lực lượng sản xuất,...

+ Chia thành 3 nhóm: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

- HDI:

+ Là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người.

+  $0 < \text{HDI} \leq 1$ .

+ Có 4 mức: rất cao, cao, trung bình và thấp.

**EM CÓ BIẾT?**

Vào tháng 7 hằng năm, Ngân hàng Thế giới sẽ cập nhật phân loại các nhóm nước theo GNI/người. Theo bảng cập nhật năm 2022, nước có GNI/người năm 2021 từ 1085 USD trở xuống là nước có thu nhập thấp; trong khoảng 1086 USD đến 4255 USD là nước có thu nhập trung bình thấp; trong khoảng 4256 USD đến 13205 USD là nước có thu nhập trung bình cao; từ 13205 USD trở lên là nước có thu nhập cao.

#### d) Tổ chức thực hiện:

##### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

\* **Nhiệm vụ 1:** Yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi sau:

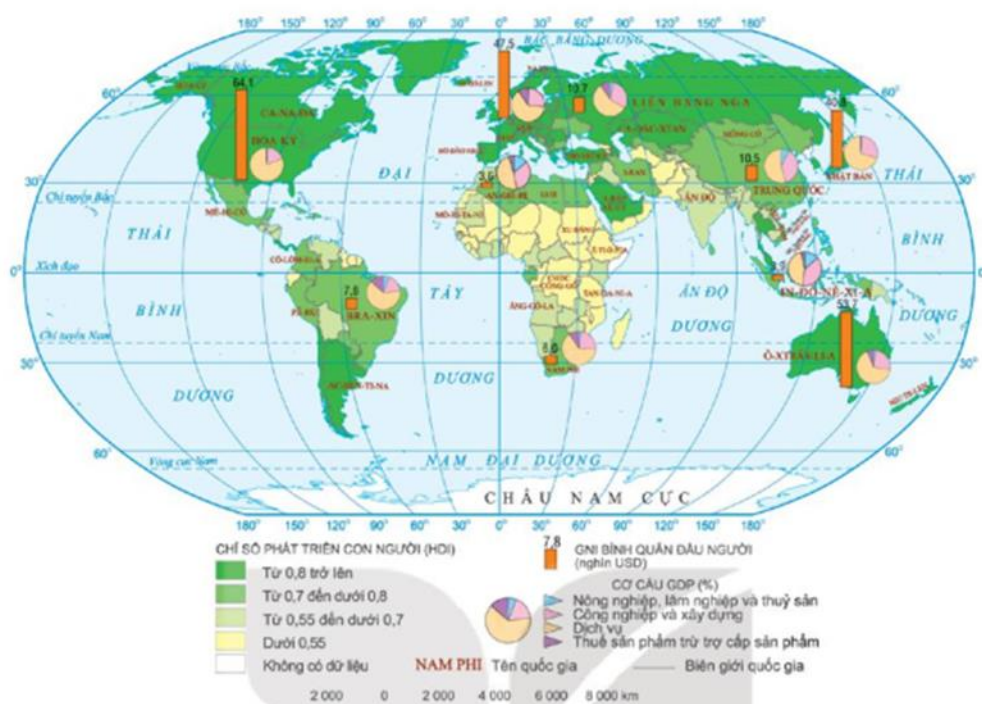
- + Trên thế giới có mấy nhóm nước?
- + Căn cứ vào tiêu chí nào để phân chia thành các nhóm nước?
- + Đọc thông tin và dựa vào bảng 1.1, hãy phân biệt các nước phát triển (Đức, Hoa Kỳ, Nhật Bản) và các nước đang phát triển (Bra-xin, Cộng hòa Nam Phi, Việt Nam) về các chỉ tiêu: GNI người, cơ cấu kinh tế và HDI.

BẢNG 1.1. GNI/NGƯỜI, CƠ CẤU GDP VÀ HDI CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2020

| Chỉ tiêu<br>Nhóm nước |                     | GNI/<br>người<br>(USD) | Cơ cấu GDP (%)                               |                                  |            |                                             | HDI   |
|-----------------------|---------------------|------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|------------|---------------------------------------------|-------|
|                       |                     |                        | Nông<br>nghiệp, lâm<br>nghiệp và<br>thủy sản | Công<br>nghiệp<br>và xây<br>dựng | Dịch<br>vụ | Thuế sản<br>phẩm trừ<br>trợ cấp<br>sản phẩm |       |
| Phát<br>triển         | Đức                 | 47 520                 | 0,7                                          | 26,5                             | 63,3       | 9,5                                         | 0,944 |
|                       | Hoa Kỳ              | 64 140                 | 0,9                                          | 18,4                             | 80,1       | 0,6                                         | 0,920 |
|                       | Nhật Bản            | 40 810                 | 1,0                                          | 29,0                             | 69,5       | 0,5                                         | 0,923 |
| Đang<br>phát<br>triển | Bra-xin             | 7 800                  | 5,9                                          | 17,7                             | 62,8       | 13,6                                        | 0,758 |
|                       | Cộng hoà<br>Nam Phi | 6 010                  | 2,5                                          | 23,4                             | 64,6       | 9,5                                         | 0,727 |
|                       | Việt Nam            | 3 390                  | 12,7                                         | 36,7                             | 41,8       | 8,8                                         | 0,710 |

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc, 2022)

\* **Nhiệm vụ 2:** Quan sát hình 1, xác định một số nước phát triển và đang phát triển trên bản đồ.



Hình 1.1. Bản đồ HDI, GNI/người và cơ cấu GDP của một số nước trên thế giới năm 2020

## - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 3 phút.

+ GV gọi HS lên bảng xác định một số nước phát triển và đang phát triển trên bản đồ.

## - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi *ngẫu nhiên* một số HS trình bày, HS khác sẽ bổ sung.

+ HS rút ra được sự khác biệt giữa các nhóm nước: nhóm nước phát triển có các chỉ số đều cao (GNI/người, cơ cấu ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ trong GDP và HDI) chỉ có cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thì thấp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm GNI/ người và cơ cấu kinh tế đã được học trong chương trình lớp 10.

## Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về kỹ năng phối hợp cặp đôi và kỹ năng tra cứu số liệu trên môi trường số.

- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

## Hoạt động 2.2. Tìm hiểu sự khác biệt về kinh tế - xã hội của các nhóm nước

### a) Mục tiêu:

- HS trình bày và so sánh được sự khác biệt về kinh tế và khía cạnh xã hội giữa các nhóm nước phát triển và các nước đang phát triển.

**b) Nội dung:** HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu.

### Nhóm 1, 3: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

#### SỰ KHÁC BIỆT VỀ KINH TẾ GIỮA CÁC NHÓM NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

| Chỉ tiêu                    | Nhóm nước phát triển | Nhóm nước đang phát triển |
|-----------------------------|----------------------|---------------------------|
| Quy mô GDP                  |                      |                           |
| Tốc độ tăng trưởng kinh tế  |                      |                           |
| Cơ cấu ngành kinh tế        |                      |                           |
| Trình độ phát triển kinh tế |                      |                           |

**Nhóm 2, 4: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  
**SỰ KHÁC BIỆT VỀ XÃ HỘI GIỮA CÁC NHÓM NƯỚC**

| Chỉ tiêu                 | Nhóm nước phát triển | Nhóm nước đang phát triển |
|--------------------------|----------------------|---------------------------|
| Đặc điểm dân số          |                      |                           |
| Nguồn lao động           |                      |                           |
| Đô thị hóa               |                      |                           |
| Tuổi thọ, giáo dục, y tế |                      |                           |
| Chất lượng cuộc sống     |                      |                           |

**BẢNG 1.2. QUY MÔ GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH VÀ TỐC ĐỘ TĂNG GDP CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2021**

| Chỉ tiêu        |                  | Quy mô GDP<br>(tỉ USD) | Tốc độ tăng GDP<br>(%) |
|-----------------|------------------|------------------------|------------------------|
| Nhóm nước       |                  |                        |                        |
| Phát triển      | Đức              | 4259,9                 | 2,6                    |
|                 | Hoa Kỳ           | 23315,1                | 5,9                    |
|                 | Nhật Bản         | 4940,9                 | 1,7                    |
| Đang phát triển | Bra-xin          | 1609,0                 | 4,6                    |
|                 | Cộng hòa Nam Phi | 419,0                  | 4,9                    |
|                 | Việt Nam         | 366,1                  | 2,6                    |

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

**BẢNG 1.3. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2020**

| Chỉ tiêu        |                  | Tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số (%) | Cơ cấu dân số (%) |                   |                    | Tỉ lệ dân thành thị (%) | Tuổi thọ trung bình (năm) | Số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên (năm) |
|-----------------|------------------|------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------|
|                 |                  |                                    | Dưới 15 tuổi      | Từ 15 đến 64 tuổi | Từ 65 tuổi trở lên |                         |                           |                                                             |
| Nhóm nước       |                  |                                    |                   |                   |                    |                         |                           |                                                             |
| Phát triển      | Đức              | -0,2                               | 14,0              | 64,0              | 22,0               | 77,5                    | 81,1                      | 14,1                                                        |
|                 | Hoa Kỳ           | 0,3                                | 18,4              | 65,0              | 16,6               | 82,7                    | 77,4                      | 13,7                                                        |
|                 | Nhật Bản         | -0,3                               | 12,4              | 59,2              | 28,4               | 91,8                    | 84,7                      | 13,4                                                        |
| Đang phát triển | Bra-xin          | 0,8                                | 21,0              | 70,0              | 9,0                | 87,0                    | 74,0                      | 8,1                                                         |
|                 | Cộng hòa Nam Phi | 1,2                                | 28,7              | 65,3              | 6,0                | 67,4                    | 65,3                      | 11,4                                                        |
|                 | Việt Nam         | 1,0                                | 23,0              | 69,0              | 8,0                | 36,8                    | 75,4                      | 8,4                                                         |

(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)



Hình 1.2. Một góc thành phố Tô-ky-ô, Nhật Bản

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

## II. SỰ KHÁC BIỆT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC

### I. Về kinh tế

SỰ KHÁC BIỆT VỀ KINH TẾ GIỮA CÁC NHÓM NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

| Chỉ tiêu                    | Nhóm nước phát triển                                     | Nhóm nước đang phát triển                             |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Quy mô GDP                  | Lớn.                                                     | Trung bình và thấp                                    |
| Tốc độ tăng trưởng kinh tế  | Khá ổn định.                                             | Khá cao.                                              |
| Cơ cấu ngành kinh tế        | - Công nghiệp hóa sớm.<br>- Phát triển kinh tế tri thức. | Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa |
| Trình độ phát triển kinh tế | Cao.                                                     | Chưa cao.                                             |

### 2. Về xã hội

SỰ KHÁC BIỆT VỀ MỘT SỐ KHÍA CẠNH XÃ HỘI GIỮA CÁC NHÓM NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

| Chỉ tiêu                 | Nhóm nước phát triển                                            | Nhóm nước đang phát triển                                                           |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Đặc điểm dân số          | - Tỷ lệ gia tăng dân số thấp.<br>- Cơ cấu dân số già.           | - Tỷ lệ gia tăng dân số giảm nhưng vẫn cao.<br>- Cơ cấu dân số trẻ và đang già hóa. |
| Nguồn lao động           | - Thiếu hụt lao động.                                           | - Nhiều quốc gia thiếu việc làm.                                                    |
| Đô thị hóa               | - Sớm và trình độ đô thị hóa cao.<br>- Tỷ lệ dân thành thị cao. | - Tốc độ đô thị hóa nhanh.<br>- Tỷ lệ dân thành thị chưa cao.                       |
| Tuổi thọ, giáo dục, y tế | - Cao, chất lượng tốt.                                          | - Đã và đang được cải thiện.                                                        |
| Chất lượng cuộc sống     | - Cao.                                                          | - Ở các mức: cao, trung bình và thấp                                                |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm chuyên gia (Kinh tế và Xã hội), hoàn thành nội dung theo phiếu học tập trên và ghi vào bảng phụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- HS hoạt động nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá khả năng sử dụng công cụ số có chọn lọc của HS.
- Chốt kiến thức cốt lõi về sự khác biệt kinh tế - xã hội lên màn chiếu.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức về các chỉ tiêu phân loại nhóm nước, rèn luyện kỹ năng hệ thống hóa số liệu và ứng dụng công nghệ.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu: Dựa vào hình 1.1, hãy xác định các chỉ tiêu GNI/người, cơ cấu GDP và HDI của ít nhất 2 nước phát triển và 2 nước đang phát triển.

**\* Gợi ý trình bày:**

| Chỉ tiêu \ Nước        |                                    | Phát triển |   | Đang phát triển |   |
|------------------------|------------------------------------|------------|---|-----------------|---|
|                        |                                    | ?          | ? | ?               | ? |
| <b>GNI/người (USD)</b> |                                    |            |   |                 |   |
| <b>Cơ cấu GDP (%)</b>  | Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản  |            |   |                 |   |
|                        | Công nghiệp và xây dựng            |            |   |                 |   |
|                        | Dịch vụ                            |            |   |                 |   |
|                        | Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm |            |   |                 |   |
| <b>HDI</b>             |                                    |            |   |                 |   |

**c) Sản phẩm:** Bài làm của nhóm HS gửi trên Padlet/Zalo.

| <b>* Tham khảo:</b>    |                                    |            |        |                 |          |
|------------------------|------------------------------------|------------|--------|-----------------|----------|
| Chỉ tiêu \ Nước        |                                    | Phát triển |        | Đang phát triển |          |
|                        |                                    | Đức        | Hoa Kỳ | Bra-xin         | Việt Nam |
| <b>GNI/người (USD)</b> |                                    | 47 520     | 64 140 | 7 800           | 3 390    |
| <b>Cơ cấu GDP (%)</b>  | Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản  | 0,7        | 1,1    | 5,9             | 12,7     |
|                        | Công nghiệp và xây dựng            | 26,5       | 18,4   | 17,7            | 36,7     |
|                        | Dịch vụ                            | 63,3       | 80,1   | 62,8            | 41,8     |
|                        | Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 9,5        | 0,4    | 13,6            | 8,8      |
| <b>HDI</b>             |                                    | 0,944      | 0,920  | 0,758           | 0,710    |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV trình chiếu yêu cầu lên màn chiếu.
- Yêu cầu lớp chia thành 4 nhóm hoạt động trực tiếp tại lớp.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS ngồi theo nhóm, nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để hoàn thành yêu cầu GV giao.
- Thời gian: 05 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi đại diện 1-2 nhóm thuyết trình về sản phẩm.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

#### **Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá chất lượng kiến thức thể hiện trên sản phẩm của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt lại kiến thức chuẩn có liên quan.

### **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

#### **a) Mục tiêu:**

- Vận dụng tri thức địa lí thu thập tư liệu về kinh tế - xã hội để giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, và vận dụng kiến thức để hoàn thành yêu cầu: Sưu tầm một số thông tin về kinh tế - xã hội của một nước phát triển hoặc đang phát triển mà em quan tâm.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của nhóm HS gửi trên Zalo.

#### **\* Tham khảo:**

Sưu tầm thông tin về Việt Nam (một số thông tin cơ bản - năm 2024)

#### **1. Về kinh tế:**

| Chỉ tiêu                    | Thông tin                                                                                                                                                                                          |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quy mô GDP                  | 11510,3 nghìn tỉ đồng                                                                                                                                                                              |
| Tốc độ tăng trưởng kinh tế  | 7,0 %                                                                                                                                                                                              |
| Cơ cấu ngành kinh tế        | Đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (11,9%); Công nghiệp và xây dựng (37,6%); Dịch vụ (42,4%); Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (8,1%). |
| Trình độ phát triển kinh tế | Đang phát triển và khá năng động.                                                                                                                                                                  |

#### **2. Về xã hội**

| Chỉ tiêu                 | Thông tin                                                                                                 |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đặc điểm dân số          | - Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm dần và ở mức 1%.<br>- Cơ cấu dân số đang già hóa.                   |
| Nguồn lao động           | - Đang ở thời kì dân số vàng.                                                                             |
| Đô thị hóa               | - Sớm nhưng trình độ thấp.<br>- Tỷ lệ dân thành thị ngày càng tăng nhưng vẫn còn thấp (38,5% - năm 2024). |
| Tuổi thọ, giáo dục, y tế | - Tuổi thọ trung bình: 75,4 tuổi.<br>- Số năm đi học trung bình: 8,4.<br>- Y tế có nhiều tiến bộ.         |
| Chất lượng cuộc sống     | - Đang được nâng lên.                                                                                     |

#### **d) Tổ chức thực hiện:**

##### **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV trình chiếu yêu cầu, giao nhiệm vụ cụ thể cho 4 nhóm thực hiện ở nhà.

##### **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Thực hiện ở nhà, các nhóm tự phân công nhiệm vụ theo cấu trúc gợi ý và hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Vào đầu tiết học tiếp theo, GV mở Zalo chiếu bài nộp của một nhóm đại diện.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá quá trình tự học và tư duy phản biện ở nhà của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt kiến thức có liên quan.

**4. Củng cố, dặn dò:** GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành yêu cầu phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 2. TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ

**Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển**

**Ngày soạn: 07/09/2026**

**Giáo viên: Nguyễn Thị Linh**

**Lớp dạy: 11/3, 11/8, 11/9**

**Thời gian: tuần 2**

## **TIẾT 3, 4. BÀI 2. TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế. Phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới.
- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hóa kinh tế. Phân tích được ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới.

#### **2. Năng lực:**

##### **a) Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,...

##### **b) Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí: Giải thích được xu thế, nguyên nhân và hệ quả của quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa nền kinh tế.
- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ... Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về xu thế, nguyên nhân và hệ quả của quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa nền kinh tế. Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến xu thế, nguyên nhân và hệ quả của quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa nền kinh tế.

##### **c) Năng lực số:**

- [1.1.NC1b]: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm trên môi trường số để lấy được dữ liệu, thông tin thực tế từ các cổng thông tin điện tử uy tín (như tổ chức WTO, ASEAN) nhằm làm rõ các biểu hiện của toàn cầu hóa và khu vực hóa.
- [3.1.NC1a]: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau (Kĩ năng số hóa sản phẩm bài tập trên giấy bằng thao tác chụp ảnh và chia sẻ tệp tin lên không gian lưu trữ mạng chung của lớp).

##### **d) Năng lực AI:**

- [NLC]: Sử dụng công cụ AI (ChatGPT/Gemini) để hỗ trợ quá trình học tập (GV tạo kịch bản cho phần khởi động; HS tóm tắt các hệ quả kinh tế).
- [NLA]: Đánh giá được sự chính xác của thông tin do AI tạo ra; khẳng định vai trò kiểm chứng sự thật (Fact-check) của con người đối với các số liệu kinh tế vĩ mô và tác động thực tiễn đến Việt Nam.

#### **3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Nhân ái: Biết yêu thương, tôn trọng người khác; có thái độ đúng mực trong giao tiếp và các mối quan hệ xã hội.
- Chăm chỉ: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Trung thực: Nhận thức và hành động theo lẽ phải, minh bạch trong báo cáo.
- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Thiết bị dạy học:

- GV: Máy tính cá nhân, Tivi, máy chiếu... kết nối mạng Internet.
- HS: Thiết bị số cá nhân (điện thoại thông minh/máy tính bảng) có kết nối mạng di động/Wifi.

### 2. Học liệu:

- SGK Địa lí 11.
- Giấy khổ lớn (A4, A0), bút dạ, bút màu.

### 3. Nền tảng số và Công cụ AI:

- Nền tảng số: Nhóm Zalo của lớp.
- Công cụ AI: ChatGPT hoặc Google Gemini.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Ổn định:

| Tiết | Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|------|----------|-----|-------|---------|
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |

**2. Kiểm tra bài cũ:** GV kiểm tra, nhận xét, đánh giá sản phẩm hoạt động vận dụng ở nhà của nhóm HS.

### 3. Hoạt động học tập:

#### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

##### a) Mục tiêu:

- Tạo bầu không khí sôi nổi, khơi gợi trí tò mò của HS về hai xu hướng liên kết kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu.
- Năng lực AI [NLc]: Việc HS quan sát và phân tích một bài thơ do AI sáng tác giúp các em nhận diện được khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên của công cụ AI.

**b) Nội dung:** HS quan sát màn chiếu. Đọc, phân tích dữ kiện từ bài thơ lục bát do AI viết. Suy luận và trả lời câu hỏi để tìm ra đáp án về tên hai xu hướng kinh tế.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời trực tiếp của HS. Nhận diện đúng đáp án: Xu hướng Toàn cầu hóa kinh tế và Khu vực hóa kinh tế.

##### d) Tổ chức thực hiện:

#### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV nêu yêu cầu: “Em hãy gọi tên 2 xu hướng kinh tế đại diện cho 2 bức tranh sau đây?”.
- GV trình chiếu slide chứa bức tranh có bài thơ của AI:

“Nơi thì phá bỏ rào thưa,  
Năm châu bốn biển tự do bán buôn.  
Nơi thì hàng xóm kết luông,  
Lập thành một khối mở đường ấm no.”

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát màn chiếu, suy nghĩ trong 30 giây.
- HS vận dụng kiến thức, xâu chuỗi kiến thức để suy nghĩ câu trả lời.

### Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 2 HS phát biểu nhanh.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

### Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động, câu trả lời của HS.
- GV dẫn dắt vào bài mới: *Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế là đặc trưng và xu hướng phổ biến trên thế giới, thu hút sự tham gia của rất nhiều nền kinh tế. Vậy toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế là gì? Quá trình này có ảnh hưởng như thế nào đến nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế của mỗi quốc gia nói riêng?*

## HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### Hoạt động 2.1. Khái niệm và biểu hiện của toàn cầu hóa

#### a) Mục tiêu:

- HS trình bày được khái niệm và các biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế.

**b) Nội dung:** HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động cặp đôi, hoàn thành yêu cầu: Trình bày khái niệm và các biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế.

BẢNG 2. TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TOÀN THỂ  
GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

| Năm  | Xuất khẩu | Nhập khẩu |
|------|-----------|-----------|
| 2000 | 8034,8    | 8003,7    |
| 2005 | 12981,0   | 12812,6   |
| 2010 | 19149,6   | 18769,3   |
| 2015 | 21280,8   | 20746,0   |
| 2019 | 24791,1   | 24348,1   |
| 2020 | 22350,6   | 21720,7   |

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)



Hình 2. Trụ sở tổ chức Thương mại Thế giới  
ở Giơ-ne-vơ, Thụy Sĩ

#### c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

### I. TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ

Toàn cầu hóa là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt, từ kinh tế đến văn hóa, khoa học,... Trong đó, toàn cầu hóa kinh tế có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của nền kinh tế - xã hội thế giới.

#### 1. Biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế

- Các dòng hàng hóa - dịch vụ, vốn, lao động và tri thức ngày càng được tự do dịch chuyển.
- Các giao dịch quốc tế về thương mại, đầu tư và tài chính tăng nhanh.
- Hình thành và phát triển các tổ chức kinh tế toàn cầu.
- Các công ty đa quốc gia có vai trò quan trọng.

- Các tiêu chuẩn toàn cầu được áp dụng ngày càng rộng rãi trong quá trình sản xuất kinh doanh.

### EM CÓ BIẾT

Theo thống kê của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tính đến 1-11-2022, thế giới có 320 hiệp định thương mại song phương và 35 hiệp định thương mại đa phương có hiệu lực.

#### d) Tổ chức thực hiện:

##### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi (2 HS cùng bàn).
- GV hướng dẫn cụ thể: “Trong khi một bạn đọc SGK để tìm khái niệm và biểu hiện của toàn cầu hóa, bạn còn lại dùng điện thoại truy cập Google tra cứu “10 công ty giá trị nhất thế giới tính đến tháng 6 năm 2026” để minh họa cho nội dung biểu hiện của toàn cầu hóa”.

##### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các cặp phân công: một người nghiên cứu lí thuyết SGK, một người tra cứu thực tiễn trên mạng.
- HS thảo luận, ghi chú các ý chính ra vở nháp trong 03 phút.

##### Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi đại diện 1-2 cặp trình bày kết quả.
- Yêu cầu đọc tên công ty đa quốc gia vừa tra cứu được.
- Các cặp khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

##### Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về kĩ năng phối hợp cặp đôi và kĩ năng tra cứu thực tiễn.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

### Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về hệ quả và ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới

#### a) Mục tiêu:

- HS trình bày được hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế và phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với các nước.

**b) Nội dung:** HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu.

#### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

| Nhóm | Nội dung                                                          | Tích cực | Tiêu cực |
|------|-------------------------------------------------------------------|----------|----------|
| 1, 3 | Hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế                                   |          |          |
| 2, 4 | Ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới |          |          |

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

#### I. TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ

##### 2. Hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế

| Tích cực                                                                                                                                                                                                                                           | Tiêu cực                                                                                                                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Tăng cường chuyên môn hóa và hợp tác hóa, thúc đẩy phân công lao động.</li><li>- Tạo ra sự dịch chuyển về lao động, vốn, công nghệ, tri thức. Phát triển các mạng lưới, chuỗi liên kết toàn cầu.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Gia tăng sự phân hóa trình độ phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo.</li></ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ có hàm lượng công nghệ và tri thức cao $\Rightarrow$ phát triển xanh và bền vững.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                  |
| <b>3. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                  |
| <b>Tích cực</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Tiêu cực</b>                                                                                  |
| - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.<br>- Thúc đẩy cải cách kinh tế, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thể chế, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh,...<br>- Gia tăng các nguồn lực bên ngoài.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | - Gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau.<br>- Gây ra các vấn đề cần giải quyết: môi trường, rác thải... |
| <b>EM CÓ BIẾT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                  |
| Hội nhập kinh tế quốc tế đã đưa Việt Nam vào top 20 nền thương mại hàng hóa lớn nhất thế giới vào năm 2021 và đứng thứ 17 trên thế giới về xuất khẩu. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn nhất thế giới, xuất khẩu tiêu và quế đứng thứ hai thế giới. Ngoài ra, với lợi thế về nguồn lao động và ưu đãi từ các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam đã thu hút được hơn 15,66 tỉ USD vốn FDI năm 2021. |                                                                                                  |
| (Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                  |

#### d) Tổ chức thực hiện:

##### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm
- + Tổ 1, 3: Tìm hiểu hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế
- + Tổ 2,4: Tìm hiểu Ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới

##### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm dựa vào nội dung SGK và hiểu biết của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ.
- HS hoạt động nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

##### Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

##### Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc của HS.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

#### Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về khu vực hóa kinh tế

##### a) Mục tiêu:

- HS trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hóa kinh tế, phân tích được ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế.

##### b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu.

#### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

| Nhóm | Tiêu chí                          | Nội dung |          |
|------|-----------------------------------|----------|----------|
| 1    | Khái niệm toàn cầu hóa kinh tế    |          |          |
| 2    | Biểu hiện của khu vực hóa kinh tế |          |          |
| 3    | Hệ quả của khu vực hóa kinh tế    | Tích cực | Tiêu cực |
|      |                                   |          |          |

|   |                                                                |  |
|---|----------------------------------------------------------------|--|
| 4 | Ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới |  |
|---|----------------------------------------------------------------|--|

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

## II. KHU VỰC HÓA KINH TẾ

Là quá trình liên kết và hợp tác kinh tế giữa các nước trong các khu vực trên thế giới trên cơ sở tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu và lợi ích phát triển.

### 1. Biểu hiện của khu vực hóa kinh tế

- Gia tăng số lượng và quy mô của các tổ chức khu vực trên thế giới.
- Hợp tác khu vực ngày càng đa dạng và phát triển.

### 2. Hệ quả của khu vực hóa kinh tế

| Tích cực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tiêu cực                                                                                                                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo lập một thị trường sản xuất và tiêu dùng rộng lớn.</li> <li>- Thúc đẩy đầu tư và thương mại nội khối, tăng cường hợp tác, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ trong khu vực.</li> <li>- Thúc đẩy quá trình mở cửa, tạo cơ hội việc làm, thu hút các nhà đầu tư.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành các rào cản thương mại đối với những nước bên ngoài khu vực (thuế, tiêu chuẩn chất lượng,...)</li> </ul> |

### 3. Ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới

- Tăng cường hợp tác liên kết và phát triển kinh tế.
- Tăng vị thế, vai trò, phát huy năng lực của các quốc gia.
- Thúc đẩy toàn cầu hóa.

## d) Tổ chức thực hiện:

### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 4 nhóm, hoàn thành Phiếu học tập.

### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- HS hoạt động nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

### Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ ví dụ thực tế vừa tra cứu.
- Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

### Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động.
- GV chốt kiến thức cơ bản lên màn chiếu.

## HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

### a) Mục tiêu:

- Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng hệ thống hóa bài học.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu: Hoàn thành bảng theo mẫu sau với nội dung thể hiện hệ quả của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.

|                      | Hệ quả |
|----------------------|--------|
| Toàn cầu hóa kinh tế | ?      |
| Khu vực hóa kinh tế  | ?      |

**c) Sản phẩm:** Bài làm của nhóm HS gửi trên Zalo.

**\* Tham khảo:**

**Hệ quả của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.**

|                             | <b>Hệ quả</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Toàn cầu hóa kinh tế</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường chuyên môn hóa và hợp tác hóa trong sản xuất, thúc đẩy phân công lao động.</li> <li>- Tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức.</li> <li>- Hình thành và phát triển các mạng lưới, chuỗi liên kết toàn cầu.</li> <li>- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế: phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ có hàm lượng công nghệ và tri thức cao, hướng tới phát triển xanh và bền vững.</li> <li>- Gia tăng sự phân hóa trình độ phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo.</li> </ul> |
| <b>Khu vực hóa kinh tế</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo lập một thị trường sản xuất và tiêu dùng rộng lớn.</li> <li>- Thúc đẩy đầu tư và thương mại nội khối, tăng cường hợp tác, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ trong khu vực.</li> <li>- Thúc đẩy quá trình mở cửa, tạo cơ hội việc làm, thu hút các nhà đầu tư.</li> <li>- Hình thành các rào cản thương mại đối với những nước bên ngoài khu vực.</li> </ul>                                                                                                                                                                                            |

#### **d) Tổ chức thực hiện:**

##### **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV trình chiếu yêu cầu lên màn chiếu.
- Yêu cầu lớp chia thành 4 nhóm hoạt động trực tiếp tại lớp.
- GV hướng dẫn cụ thể: “*Các nhóm thảo luận và kẻ bảng đáp án ra giấy A4. Ngay khi làm xong, nhóm trưởng dùng điện thoại thông minh chụp một bức ảnh thật rõ nét toàn bộ bài làm. Lập tức tải hình ảnh lên nhóm Zalo lớp*”.

##### **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS ngồi theo nhóm, nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để hoàn thành yêu cầu GV giao.
- Khi gần hết giờ, đại diện các nhóm chụp và gửi file sản phẩm lên nhóm Zalo.
- Thời gian: 05 phút.

##### **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mở Zalo chiếu bài nộp của các nhóm.
- GV gọi đại diện 1-2 nhóm thuyết trình về sản phẩm.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

##### **Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá chất lượng kiến thức thể hiện trên sản phẩm của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt lại kiến thức chuẩn có liên quan.

#### **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

##### **a) Mục tiêu:**

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn về cơ hội và thách thức của kinh tế Việt Nam.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để hoàn thành yêu cầu: *Sưu tầm thông tin về ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đến Việt Nam.*

**c) Sản phẩm:** Bài làm của nhóm HS gửi trên Zalo.

**\* Tham khảo:**

**Ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với Việt Nam**

**- Thuận lợi:**

- + Phát huy được lợi thế so sánh để phát triển;
- + Tăng nguồn vốn đầu tư; nâng cao trình độ kỹ thuật - công nghệ;
- + Thay đổi được cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực;
- + Mở rộng kinh tế đối ngoại;
- + Học tập kinh nghiệm quản lý tiên tiến từ các nước khác,...

**- Khó khăn:**

- + Tăng trưởng kinh tế chưa thật bền vững;
- + Nợ nước ngoài tăng lên;
- + Cạnh tranh quyết liệt từ các nền kinh tế khác.
- + Gia tăng tình trạng phân hóa giàu nghèo;
- + Môi trường sinh thái bị ảnh hưởng lớn.
- + Đối mặt với các nguy cơ: tụt hậu, xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc,...

- **Ví dụ:** trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 - 2009, Nền kinh tế Việt Nam đã chịu không ít ảnh hưởng, như: tốc độ tăng trưởng kinh tế đã bị chậm lại; sản xuất bị thu hẹp, số người thất nghiệp tăng, thu nhập bị giảm sút...

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV trình chiếu yêu cầu, giao nhiệm vụ cụ thể cho 4 nhóm thực hiện ở nhà.
- GV hướng dẫn cụ thể: *“Về nhà, các nhóm hãy mở công cụ ChatGPT/Gemini và ra lệnh: ‘Hãy viết một bài phân tích ngắn về những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế hiện nay’. Với vai trò là ‘Người kiểm duyệt’ (Fact-checker), các em hãy đọc thật kỹ bài của AI, đối chiếu với những kiến thức kinh tế đã học để sửa lại toàn bộ thông tin/lập luận mà AI viết sai sự thật. Hoàn thiện và nộp bản báo cáo lên nhóm Padlet/Zalo lớp trước tiết học tới”.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Tại nhà, các nhóm dùng AI tạo khung văn bản thô theo cấu trúc gợi ý.
- HS tiến hành họp nhóm trực tuyến, thực hiện Fact-check, dùng kiến thức thực tế để sửa lỗi sai của AI (nếu có). Hoàn thiện và nộp bài làm lên Zalo.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Vào đầu tiết học tiếp theo, GV mở Zalo chiếu bài nộp của một nhóm đại diện.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá quá trình tự học và tư duy phản biện ở nhà của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt kiến thức có liên quan.

**4. củng cố, dặn dò:** GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành yêu cầu phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 3. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VỀ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ

**Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển**

**Ngày soạn: 15/09/2026**

**Giáo viên: Nguyễn Thị Linh**

**Lớp dạy: 11/3, 11/8, 11/9**

**Thời gian: tuần 3**

## **TIẾT 5. BÀI 3. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VỀ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.
- Xác định được cơ hội của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.
- Xác định được thách thức của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.

#### **2. Năng lực:**

##### **a) Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Chủ động tìm kiếm, thu thập tài liệu để phục vụ việc viết báo cáo thực hành.
- Giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm hiệu quả, phân công nhiệm vụ rõ ràng để thống nhất nội dung báo cáo.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

##### **b) Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí: Phân tích và làm rõ được các cơ hội và thách thức của quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa.
- Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc thông tin từ Internet và các nguồn tài liệu chính thống.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí để giải quyết vấn đề thực tiễn thông qua việc hoàn thiện bản báo cáo chuyên đề.

#### **3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu đất nước, có ý thức vươn lên, tận dụng cơ hội trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- Chăm chỉ: Tích cực tìm tòi tài liệu học tập, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Trung thực: Minh bạch, rõ ràng trong việc trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo cho báo cáo.
- Trách nhiệm: Nghiêm túc trong học tập, hoàn thành tốt phần việc được nhóm phân công.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

#### **1. Thiết bị dạy học:**

- Máy tính cá nhân, Tivi, máy chiếu...

#### **2. Học liệu:**

- SGK Địa lí 11.
- Tài liệu tham khảo về kinh tế - xã hội.
- Giấy khổ lớn (A4, A0), bút dạ, bút màu.

### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

#### **1. Ổn định:**

| Tiết | Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|------|----------|-----|-------|---------|
|      |          |     |       |         |

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** GV kiểm tra, nhận xét, đánh giá sản phẩm hoạt động vận dụng ở nhà của nhóm HS.

**3. Hoạt động học tập:**

### **HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**

- HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung cần chuẩn bị của bài thực hành.

**b) Nội dung:** HS quan sát màn chiếu. Sử dụng SGK, hoạt động cá nhân. Trả lời câu hỏi: Em hãy xác định nội dung cần chuẩn bị và nhiệm vụ cụ thể của bài thực hành hôm nay là gì?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS. Xác định đúng nội dung thực hành:

#### **1. Nội dung**

- Suu tầm và hệ thống hóa các tư liệu, số liệu về toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.
- Viết báo cáo về những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV trình chiếu slide chứa “Bảng nhiệm vụ đặc vụ” lên màn chiếu.
- GV yêu cầu HS kết hợp đọc SGK (phần nội dung bài thực hành) và quan sát văn bản trên bảng.
- GV nêu câu hỏi: “*Dựa vào bảng nhiệm vụ trên màn chiếu và thông tin trong SGK, em hãy xác định rõ hôm nay lớp chúng ta cần chuẩn bị và hoàn thành những nội dung thực hành cốt lõi nào?*”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS quan sát màn chiếu, suy nghĩ trong 01 phút.
- HS vận dụng kiến thức, xây chuỗi kiến thức để suy nghĩ câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi 2 HS phát biểu nhanh.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động, câu trả lời của HS.
- GV chốt lại các yêu cầu trọng tâm và dẫn dắt vào bài thực hành.

### **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

#### **Hoạt động. Thực hành**

**a) Mục tiêu:**

- HS thực hành thu thập tư liệu và viết được báo cáo về cơ hội, thách thức của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.

**b) Nội dung:** HS quan sát màn chiếu, SGK, làm việc theo 4 nhóm để thực hiện các bước chuẩn bị và tìm hiểu gợi ý thông tin tham khảo theo hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung báo cáo.

#### **2. Nguồn tư liệu**

- Các sách, báo cáo, tài liệu,... có liên quan đến toàn cầu hóa và khu vực hóa.
- Các trang web có độ tin cậy cao của các tổ chức, cơ quan trên thế giới và Việt Nam như:  
+ Thương mại và đầu tư toàn cầu: <https://unctadstat.unctad.org>

+ Công thông tin cung cấp các văn kiện, văn bản pháp lí, tin tức, ấn phẩm, số liệu cập nhật,... về WTO, các Hiệp định thương mại (FTA, các hiệp định thương mại, đầu tư,...) liên quan đến Việt Nam,... <https://trungtamwto.vn>

### 3. Gợi ý cấu trúc báo cáo

#### CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

##### 1. Cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển

- Cơ hội
- Thách thức

##### 2. Cơ hội và thách thức của khu vực hóa đối với các nước đang phát triển

- Cơ hội
- Thách thức

**c) Sản phẩm:** Bản báo cáo đã được hoàn thiện của HS theo gợi ý.

#### \* Tham khảo

#### CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

##### 1. Cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển

Toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ, đã mang lại nhiều cơ hội và thách thức đối với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam.

##### - Cơ hội:

+ Tự do hóa thương mại mở rộng, hàng rào thuế quan giữa các nước bị bãi bỏ hoặc giảm xuống, hàng hóa có điều kiện lưu thông rộng rãi. Ví dụ: Kể từ ngày gia nhập WTO, Việt Nam đã có quan hệ buôn bán với hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta không ngừng tăng lên. Năm 2007 đạt 111,4 tỉ USD.

+ Đón đầu được công nghiệp hiện đại, áp dụng ngay vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

+ Chuyển giao những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, về tổ chức và quản lí, về sản xuất và kinh doanh tới tất cả các nước. Ví dụ: Nhiều nước đang phát triển trở thành nước công nghiệp mới (Hàn Quốc, Xin-ga-po, Bra-xin...) nhờ sớm hội nhập vào xu thế toàn cầu hóa.

+ Các nước thực hiện chủ trương đa phương hóa quan hệ quốc tế, chủ động khai thác các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của các nước khác.

##### - Thách thức:

+ Bị áp lực lớn trong cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm hàng hoá. Ví dụ: Hàng hoá các nước đang phát triển vẫn bị ngăn trở khi thâm nhập thị trường các nước lớn bằng một số biện pháp do các nước phát triển đặt ra: áp đặt luật chống bán phá giá (vụ cá tra, cá ba sa của Việt Nam khi nhập vào thị trường Hoa Kỳ); dựng các hàng rào kỹ thuật khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm, về điều kiện sản xuất của các nước sở tại, tiếp tục trợ giá cho các mặt hàng nông sản trong nước....

+ Cần có vốn đầu tư và có nguồn nhân lực kỹ thuật cao và làm chủ được các ngành kinh tế mũi nhọn.

+ Các siêu cường kinh tế tìm cách áp đặt lối sống và nền văn hóa của mình đối với các nước khác. Các giá trị đạo đức của nhân loại được xây dựng hàng chục thế kỉ nay đang có nguy cơ bị xói mòn. Ví dụ: Ở Việt Nam, một số giá trị văn hoá truyền thống không được

bảo tồn, gìn giữ; một số người thay đổi nhanh chóng lối sống, tha hoá đạo đức, nảy sinh tư tưởng thực dụng ở không ít người....

+ Toàn cầu hóa gây áp lực nặng nề đối với tự nhiên, làm cho môi trường suy thoái trên phạm vi toàn cầu và trong mỗi quốc gia. Ví dụ: Việt Nam cũng giống như nhiều nước khác trên thế giới đang đứng trước những hiểm họa của thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường....

## **2. Khu vực hóa kinh tế đối với các nước đang phát triển**

### **- Cơ hội:**

+ Tạo nên động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, tăng cường tự do hóa thương mại, đầu tư, dịch vụ giữa các quốc gia và các khu vực với nhau.

+ Lợi ích kinh tế của các nước thành viên được đảm bảo trong tổ chức khu vực.

+ Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường ở các quốc gia, tạo lập những thị trường khu vực rộng lớn, tạo nền tảng cho quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.

- **Thách thức:** xu hướng khu vực hóa kinh tế đặt ra không ít các vấn đề như:

+ Tính tự chủ kinh tế ở mỗi quốc gia;

+ Gia tăng sự cạnh tranh giữa các quốc gia có cùng một lợi thế phát triển kinh tế (trong cùng một khu vực). Ví dụ: các mặt hàng nông sản của Việt Nam đang đứng trước sự cạnh tranh quyết liệt bởi nông sản Thái Lan,...

+ Vấn đề cạnh tranh giữa các khu vực,...

### **d) Tổ chức thực hiện:**

#### **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm.

#### **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm phân công công việc.

- Các HS khác hệ thống hóa kiến thức từ SGK.

- HS hoạt động nhóm trong khoảng thời gian: 07 phút.

#### **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm.

- Yêu cầu HS nêu rõ ví dụ thực tiễn vừa tra cứu được.

- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

#### **Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá về kỹ năng tổng hợp thông tin, kỹ năng số của HS.

- Chốt lại cấu trúc chuẩn của báo cáo lên màn chiếu.

### **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

#### **a) Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức thông qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm.

#### **b) Nội dung:** HS hoạt động nhóm để hoàn thành phiếu trắc nghiệm.

##### **I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

**Câu 1:** Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản là

**A.** máy móc, thiết bị điện tử, quang học kỹ thuật và thiết bị y tế.

**B.** nhiên liệu hóa thạch, thực phẩm, nguyên liệu thô công nghiệp.

**C.** phương tiện vận tải, máy móc, hóa chất, nhiên liệu hóa thạch.

**D.** sắt thép các loại, hóa chất, nhựa, nhiên liệu hóa thạch, điện tử.

**Câu 2:** Các mặt hàng nhập khẩu của Nhật Bản là

**A.** máy móc, thiết bị điện tử, quang học kỹ thuật và thiết bị y tế.

**B.** phương tiện vận tải, máy móc, hóa chất, nhiên liệu hóa thạch.

C. sắt thép các loại, hóa chất, nhựa, nhiên liệu hóa thạch, điện tử.

D. năng lượng, sản phẩm nông nghiệp, nguyên liệu công nghiệp.

**Câu 3:** Do hoạt động ngoại thương phát triển mạnh, nên Nhật Bản cần phải phát triển mạnh giao thông vận tải đường

A. ô tô.

B. biển.

C. hàng không.

D. sắt.

**Câu 4:** Nhật Bản và Việt Nam không có sự hợp tác về

A. nguồn vốn ODA.

B. đầu tư trực tiếp (FDI).

C. liên minh quân sự.

D. văn hóa, giáo dục.

**Câu 5:** Hiện nay, Nhật Bản đứng đầu thế giới về

A. xuất khẩu sản phẩm của nông nghiệp.

B. viện trợ phát triển chính thức (ODA).

C. thương mại với các nước ở châu Á.

D. giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công vị trí hoạt động trực tiếp tại lớp.

- GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ phiếu trắc nghiệm có chứa nội dung 7 câu hỏi.

- GV hướng dẫn cụ thể: “*Các nhóm thảo luận chọn đáp án đúng cho 5 câu hỏi trắc nghiệm dạng 1. Yêu cầu vẽ một sơ đồ mũi tên cực kì ngắn gọn giải thích lí do chọn đáp án đó ra giấy. Ngay khi làm xong, nhóm trưởng nộp kết quả lại cho giáo viên.*”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS ngồi theo nhóm, phân tích câu hỏi, chốt đáp án, ghi giải thích vào phiếu.

- Thời gian: 03 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV thu lại phiếu trắc nghiệm, phân công 1 HS theo dõi và tổng hợp kết quả hoạt động của từng nhóm.

- GV chiếu lần lượt từng câu hỏi, gọi HS đại diện nhóm trả lời và giải thích.

- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét đáp án.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV trình chiếu kết quả hoạt động của từng nhóm.

- GV đánh giá tư duy logic trong việc giải thích đáp án của HS.

- GV chốt đáp án chuẩn.

## HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng tri thức địa lí để phân tích tính Đúng/Sai của một nhận định thực tiễn. Giải bài tập trả lời ngắn.

**b) Nội dung:** HS hoạt động nhóm để hoàn thành phiếu trắc nghiệm.

### II. Trắc nghiệm Đúng/Sai

**Câu 6:** Cho thông tin sau:

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Nhật Bản bị tàn phá nặng nề. Cả nước bắt tay vào công cuộc tái thiết đất nước, nền kinh tế nhanh chóng phục hồi và tăng trưởng trong giai đoạn 1952 - 1973 với tốc độ tăng trưởng trung bình trên 10%/năm.

a) Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Nhật Bản bị tàn phá nặng nề.

b) Giai đoạn 1952 - 1973 tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản đạt trên 10%/năm.

c) Năm 1952 là giai đoạn suy thoái kinh tế do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng dầu mỏ.

d) Từ sau năm 1973, tốc độ tăng trưởng kinh tế Nhật Bản chậm lại do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng năng lượng.

### III. Trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 7: Cho bảng số liệu:

**Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản, giai đoạn 2000 - 2020**

(Đơn vị: tỉ USD)

| Năm       | 2000  | 2005  | 2010  | 2015  | 2020  |
|-----------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Xuất khẩu | 479,3 | 594,9 | 769,8 | 624,9 | 641,3 |
| Nhập khẩu | 379,7 | 515,9 | 694,1 | 625,6 | 635,4 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính chênh lệch cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản năm 2000 và 2020. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Đáp án: 93,7**

c) **Sản phẩm:** Bài làm của nhóm HS gửi trên Padlet/Zalo.

d) **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tiếp tục phát lại phiếu trắc nghiệm, giao nhiệm vụ cho 4 nhóm hoàn thành câu 6 và câu 7.

- GV hướng dẫn cụ thể: “Các nhóm có 03 phút để thảo luận chọn đáp án đúng cho câu 6 và ghi nhanh lời giải câu 7. Ngay khi làm xong, nhóm trưởng nộp kết quả lại cho giáo viên”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS ngồi theo nhóm, phân tích câu hỏi, chốt đáp án, ghi giải thích vào phiếu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV thu lại phiếu trắc nghiệm, phân công 1 HS theo dõi và tổng hợp kết quả hoạt động của từng nhóm.

- GV chiếu lần lượt từng câu hỏi, gọi HS đại diện nhóm trả lời và giải thích.

- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét đáp án.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV trình chiếu kết quả hoạt động của từng nhóm.

- GV đánh giá tư duy logic trong việc giải thích đáp án của HS.

- GV chốt đáp án chuẩn và lựa chọn nhóm có kết quả hoạt động tốt nhất để khen thưởng.

**4. Củng cố, dặn dò:** GV nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài thực hành.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành yêu cầu phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: BÀI 4. MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC, AN NINH TOÀN CẦU

**Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển**

**Ngày soạn: 15/09/2026**

**Giáo viên: Nguyễn Thị Linh**

**Lớp dạy: 11/3, 11/8, 11/9**

**Thời gian: tuần 3 + 4**

## **TIẾT 6,7. BÀI 4. MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC, AN NINH TOÀN CẦU**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

- Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình.

#### **2. Năng lực:**

##### **a) Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm. Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,...

##### **b) Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí: Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được tên gọi, thời gian thành lập, vị trí, quy mô, thành viên, trụ sở, mục tiêu, nhiệm vụ của một số tổ chức quốc tế và khu vực.

- Hiểu được các vấn đề an ninh toàn cầu và sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình.

- Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh trên internet.

##### **c) Năng lực số và AI:**

- Năng lực số [1.1.NC1b]: Sử dụng thiết bị di động truy cập Internet tìm kiếm thông tin về trụ sở hoặc ý nghĩa logo của tổ chức.

- [NLC 11.A2.2]: Sử dụng công cụ AI (ChatGPT/Gemini) tra cứu báo cáo của IEA về xu hướng năng lượng sạch toàn cầu; thiết kế Infographic bằng Canva.

#### **3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Nhân ái: Yêu thương người khác, yêu quý hòa bình, nhận thức rõ giá trị của hòa bình.

- Chăm chỉ: Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Trung thực: Nhận thức và hành động theo lẽ phải, minh bạch trong báo cáo.

- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, có ý thức tham gia, vận động, tuyên truyền để giữ gìn hòa bình trong nước và thế giới.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

#### **1. Thiết bị dạy học:**

- GV: Máy tính cá nhân, Tivi, máy chiếu... kết nối mạng Internet.

- HS: Thiết bị số cá nhân (điện thoại thông minh/máy tính bảng) có kết nối mạng di động/Wifi.

## 2. Học liệu:

- SGK Địa lí 11.
- Bản đồ chính trị thế giới.
- Giấy khổ lớn (A4, A0), bút dạ, bút màu.

## 3. Nền tảng số và Công cụ AI:

- Nền tảng số: Nhóm Zalo của lớp, ứng dụng Padlet.
- Công cụ AI: ChatGPT hoặc Google Gemini.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

## 1. Ổn định:

| Tiết | Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|------|----------|-----|-------|---------|
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |

**2. Kiểm tra bài cũ:** GV kiểm tra, nhận xét, đánh giá sản phẩm hoạt động vận dụng ở nhà của nhóm HS.

## 3. Hoạt động học tập:

### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

#### a) Mục tiêu:

- Tạo sự hứng thú cho HS, huy động kiến thức nền về các tổ chức quốc tế lớn để dẫn dắt vào bài học.

GV sử dụng một số hình ảnh để thiết kế trò chơi “NHÌN HÌNH - ĐOÁN TÊN” về một số tổ chức quốc tế và khu vực.

**b) Nội dung:** HS quan sát màn chiếu, xem hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS xác định và nêu được đáp án: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - TBD; Tổ chức thương mại thế giới; Liên hợp quốc; Quỹ tiền tệ quốc tế.

#### d) Tổ chức thực hiện:

##### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu trò chơi trên màn chiếu và đặt câu hỏi: “*Các tổ chức dưới đây có tên tiếng Việt là gì?*”

- Yêu cầu HS theo dõi, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

##### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát màn chiếu, suy nghĩ trong 30 giây.
- HS vận dụng kiến thức, xâu chuỗi kiến thức để suy nghĩ câu trả lời.

##### Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 2 HS phát biểu nhanh.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

##### Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động, câu trả lời của HS.
- GV dẫn dắt vào bài mới: *Để đảm bảo một nền hòa bình trên thế giới và nhằm điều tiết, giám sát, thúc đẩy hoạt động kinh tế toàn cầu và khu vực, các nước đã hình thành các tổ chức quốc tế và khu vực. Vậy các tổ chức này có vị trí và vai trò như thế nào? Các vấn đề an ninh toàn cầu mà thế giới phải đối mặt hiện nay là gì?*

### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### Hoạt động 2.1. Tìm hiểu một số tổ chức quốc tế và khu vực

**a) Mục tiêu:**

- HS trình bày được khái quát về Liên hợp quốc (UN), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).
- Năng lực số [1.1.NC1b]: Sử dụng thiết bị di động truy cập Internet tìm kiếm thông tin về trụ sở hoặc ý nghĩa logo của tổ chức.

**b) Nội dung:** HS quan sát màn chiếu, SGK, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu.

- **Nhóm 1:** Tìm hiểu về liên hợp quốc.
- **Nhóm 2:** Tìm hiểu về quỹ tiền tệ quốc tế.
- **Nhóm 3:** Tìm hiểu về tổ chức thương mại thế giới.
- **Nhóm 4:** Tìm hiểu về diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**TÌM HIỂU VỀ .....**

| Tiêu chí      | Nội dung |
|---------------|----------|
| Tên gọi       |          |
| Năm thành lập |          |
| Thành viên    |          |
| Trụ sở        |          |
| Mục tiêu      |          |



**Asia-Pacific  
Economic Cooperation**

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**I. MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC**

**1. Liên hợp quốc (The United Nations - UN)**

| Tiêu chí   | Nội dung                                                        |
|------------|-----------------------------------------------------------------|
| Tên gọi    | Liên hợp quốc (The United Nations-UN).                          |
| Thành lập  | Năm 1945.                                                       |
| Thành viên | 193 quốc gia thành viên (năm 2021). Việt Nam tham gia năm 1977. |

|                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trụ sở                                                                     | Niu Ốc (New York-Hoa Kỳ).                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Mục tiêu                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì hòa bình, an ninh thế giới.</li> <li>- Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia.</li> <li>- Giải quyết các vấn đề quốc tế.</li> <li>- Bảo vệ quyền con người.</li> <li>- Là trung tâm phối hợp hợp tác quốc tế.</li> </ul>    |
| <b>2. Tổ chức Thương mại Thế giới (The World Trade Organization - WTO)</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Tiêu chí</b>                                                            | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Tên gọi                                                                    | Thương mại Thế giới (The World Trade Organization - WTO)                                                                                                                                                                                                                          |
| Thành lập                                                                  | Năm 1995                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Thành viên                                                                 | 164 thành viên (năm 2021). Việt Nam gia nhập năm 2007 (là thành viên thứ 150)                                                                                                                                                                                                     |
| Trụ sở                                                                     | Giơ-ne-vơ (Geneva-Thụy Sĩ).                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Mục tiêu                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thúc đẩy tăng trưởng thương mại toàn cầu.</li> <li>- Phát triển kinh tế thị trường.</li> <li>- Giải quyết tranh chấp thương mại.</li> <li>- Nâng cao mức sống, tạo việc làm.</li> <li>- Bảo đảm quyền và tiêu chuẩn lao động.</li> </ul> |
| <b>3. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)</b>                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Tiêu chí</b>                                                            | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Tên gọi                                                                    | Quỹ Tiền tệ Quốc tế (The International Monetary Fund-IMF).                                                                                                                                                                                                                        |
| Thành lập                                                                  | Năm 1944                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Thành viên                                                                 | 190 quốc gia thành viên (năm 2020). Việt Nam gia nhập năm 1976.                                                                                                                                                                                                                   |
| Trụ sở                                                                     | Oa-sinh-ton (Washington-Hoa Kỳ).                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Mục tiêu                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thúc đẩy hợp tác tiền tệ quốc tế.</li> <li>- Hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.</li> <li>- Cung cấp hỗ trợ tài chính cho các quốc gia.</li> <li>- Đảm bảo ổn định hệ thống tiền tệ toàn cầu.</li> </ul>                                         |
| <b>4. Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)</b>         |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Tiêu chí</b>                                                            | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Tên gọi                                                                    | Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (The Asia-Pacific Economic Cooperation-APEC).                                                                                                                                                                                     |
| Thành lập                                                                  | Năm 1989                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Thành viên                                                                 | 21 thành viên (năm 2020). Việt Nam gia nhập năm 1998.                                                                                                                                                                                                                             |
| Trụ sở                                                                     | Xin-ga-po.                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Mục tiêu                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế khu vực.</li> <li>- Tăng cường hợp tác đa phương.</li> <li>- Phát huy vai trò liên kết giữa các nền kinh tế.</li> </ul>                                                                         |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát PHIẾU HỌC TẬP.

- GV hướng dẫn cụ thể: “*Một bạn dùng điện thoại tra cứu trên Google hình ảnh Logo chính thức của tổ chức và chuẩn bị thuyết minh ý nghĩa ngắn gọn của Logo. Các bạn khác thảo luận, thống nhất, hoàn thành PHIẾU HỌC TẬP*”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm tiến hành phân công: tìm hiểu nội dung trong SGK và khai thác hình ảnh trên Internet.

- HS thảo luận trong khoảng thời gian: 05 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi lần lượt đại diện các nhóm báo cáo nội dung kiến thức.

- Đại diện đưa màn hình điện thoại có Logo (hoặc mô tả lại hình ảnh) và giải thích nhanh.

- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét kỹ năng phối hợp và tra cứu thông tin số của HS.

- Chốt kiến thức cốt lõi về 4 tổ chức lên màn chiếu.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu một số vấn đề an ninh toàn cầu và bảo vệ hòa bình trên thế giới**  
**a) Mục tiêu:**

- HS trình bày được một số vấn đề an ninh toàn cầu (lương thực, năng lượng, nguồn nước, mạng) và khẳng định sự cần thiết bảo vệ hòa bình thế giới.

**b) Nội dung:** HS quan sát màn chiếu, sử dụng SGK, dựa vào thông tin trong bài, hoạt động nhóm, hoàn thành yêu cầu.

- **Nhóm 1:** Tìm hiểu về vấn đề an ninh lương thực.

- **Nhóm 2:** Tìm hiểu về vấn đề an ninh nguồn nước.

- **Nhóm 3:** Tìm hiểu về vấn đề an ninh năng lượng.

- **Nhóm 4:** Tìm hiểu về vấn đề an ninh mạng.

- **Nhóm 5:** Tìm hiểu về sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**TÌM HIỂU VỀ .....**

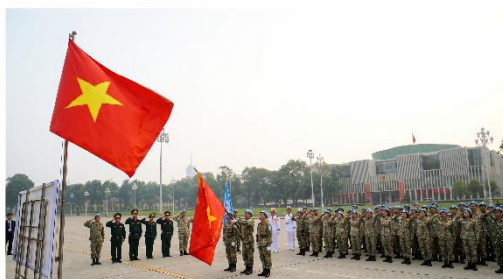
| Tiêu chí    | Nội dung |
|-------------|----------|
| Quan niệm   |          |
| Biểu hiện   |          |
| Nguyên nhân |          |
| Hậu quả     |          |
| Giải pháp   |          |



Hình 4.1. Sản xuất lúa mì trên quy mô lớn ở Hoa Kỳ



Hình 4.2. Sản xuất điện gió ở Hà Lan



Hình 4.3. Lễ phát động thi đua tại Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh của lực lượng tham gia gìn giữ hoà bình của Việt Nam năm 2019

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

## II. AN NINH TOÀN CẦU VÀ BẢO VỆ HÒA BÌNH TRÊN THẾ GIỚI

### 1. Một số vấn đề an ninh toàn cầu

- An ninh toàn cầu chính là trạng thái bình yên, ổn định và hòa bình của toàn thế giới.
- Gồm an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.
- + An ninh truyền thống: Liên quan đến an ninh chính trị, quân sự: khủng bố, xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ,...
- + An ninh phi truyền thống: Liên quan đến vấn đề: an ninh kinh tế, lương thực, năng lượng, nguồn nước,...
- Cùng với quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa, an ninh phi truyền thống trở thành vấn đề toàn cầu đòi hỏi các nước cần chung tay giải quyết.

### EM CÓ BIẾT:

Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (cơ quan chấp hành có thực quyền nhất của Liên hợp quốc) đảm nhiệm trách nhiệm hàng đầu của Liên hợp quốc là duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

#### a) An ninh lương thực

| Tiêu chí    | Nội dung                                                                                                       |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quan niệm   | Đảm bảo đủ lương thực an toàn cho mọi người.                                                                   |
| Biểu hiện   | Là vấn đề toàn cầu lâu dài.                                                                                    |
| Nguyên nhân | Chiến tranh, xung đột, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.                                                 |
| Hậu quả     | Gián đoạn sản xuất và cung ứng lương thực.                                                                     |
| Giải pháp   | Cứu trợ lương thực.<br>Phát triển nông nghiệp bền vững.<br>Tăng cường vai trò tổ chức quốc tế (FAO, WFP, WBG). |

### EM CÓ BIẾT:

Theo Báo cáo về Tình trạng An ninh lương thực và Dinh dưỡng trên thế giới năm 2021 của FAO, thế giới có khoảng 768 triệu người bị thiếu dinh dưỡng trong năm 2020, trong đó có hơn 50% sống ở châu Á và hơn 1/3 sống ở châu Phi.

**b) An ninh năng lượng**

| Tiêu chí    | Nội dung                                                                                                      |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quan niệm   | Đảm bảo cung cấp đủ năng lượng cho đời sống và kinh tế - xã hội.                                              |
| Biểu hiện   | Là vấn đề cấp thiết toàn cầu.                                                                                 |
| Nguyên nhân | Biến động thị trường năng lượng, xung đột, biến đổi khí hậu.                                                  |
| Hậu quả     | Ảnh hưởng đời sống, kinh tế, gia tăng xung đột, bất ổn xã hội.                                                |
| Giải pháp   | Tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo, khai thác hợp lý tài nguyên, tăng cường hợp tác quốc tế. |

**EM CÓ BIẾT:**

Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), tổng tiêu thụ năng lượng trên thế giới năm 2020 là hơn 400 triệu Tê-ra-jun (TJ), trong đó năng lượng hóa thạch chiếm 64,8%. Dự báo nhu cầu tiêu thụ năng lượng toàn cầu sẽ tăng 24% vào năm 2050 so với năm 2020.

**c) An ninh nguồn nước**

| Tiêu chí    | Nội dung                                                                                                             |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quan niệm   | Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng nước.                                                                              |
| Biểu hiện   | Nhiều nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt, hàng tỉ người thiếu nước ngọt.                                                |
| Nguyên nhân | Chủ yếu do sử dụng nước lãng phí, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.                                            |
| Hậu quả     | Ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế, gia tăng xung đột xã hội.                                                           |
| Giải pháp   | Hợp tác nghiên cứu và bảo vệ nguồn nước. Chống ô nhiễm, phát triển hệ thống xử lý nước, quản lý nguồn nước hiệu quả. |

**d) An ninh mạng**

| Tiêu chí    | Nội dung                                                                                                     |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quan niệm   | Bảo đảm an toàn cho hoạt động trên không gian mạng, bảo vệ quốc gia và xã hội.                               |
| Biểu hiện   | Ngày càng phức tạp.                                                                                          |
| Nguyên nhân | Do sự bùng nổ công nghệ thông tin.                                                                           |
| Hậu quả     | Là thách thức lớn về kinh tế và an ninh quốc gia.                                                            |
| Giải pháp   | Ban hành luật an ninh mạng, xây dựng lực lượng chuyên trách và tăng cường hợp tác phòng chống tội phạm mạng. |

**EM CÓ BIẾT:**

Theo số liệu của Liên hợp quốc, hiện có 138 quốc gia (trong đó có 95 nước đang phát triển) ban hành Luật An ninh mạng. Việt Nam đã ban hành Luật An ninh mạng năm 2018 để quy định về hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**2. Sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình trên thế giới**

| Tiêu chí  | Nội dung                                                                  |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------|
| Quan niệm | Hòa bình là sự bình yên, tự do, hạnh phúc giữa con người và các quốc gia. |
| Biểu hiện | Thế giới vẫn tồn tại nhiều vấn đề đe dọa hòa bình.                        |

|             |                                                                                                                   |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên nhân | Đói nghèo, xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu, tranh chấp biên giới và lãnh thổ.                                 |
| Hậu quả     | Ảnh hưởng đến tính mạng, đời sống người dân, cản trở phát triển KT - XH.                                          |
| Giải pháp   | Tăng cường đối thoại, hợp tác giữa các quốc gia, tôn trọng chủ quyền và phát huy vai trò của các tổ chức quốc tế. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 5 nhóm chuyên gia, phát PHIẾU HỌC TẬP.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS phân công nhiệm vụ sử dụng nội dung SGK để hoàn thành phiếu học tập.
- HS thảo luận trong thời gian: 05 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá khả năng làm việc nhóm của HS.
- Chốt hệ thống kiến thức lên màn chiếu.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức về các tổ chức quốc tế và các vấn đề an ninh toàn cầu.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu:

| Nhóm | Yêu cầu                                                                                                                      |    |     |     |      |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----|-----|------|
| 1, 3 | 1. Hoàn thành bảng theo mẫu sau về các tổ chức UN, WTO, IMF, APEC (Năm thành lập, số thành viên, mục tiêu, năm VN gia nhập). |    |     |     |      |
|      | Tên tổ chức                                                                                                                  | UN | WTO | IMF | APEC |
|      | Năm thành lập                                                                                                                | ?  | ?   | ?   | ?    |
|      | Số thành viên                                                                                                                | ?  | ?   | ?   | ?    |
|      | Mục tiêu hoạt động                                                                                                           | ?  | ?   | ?   | ?    |
|      | Năm Việt Nam gia nhập                                                                                                        | ?  | ?   | ?   | ?    |
| 2, 4 | 2. Phân tích mối liên hệ giữa một vấn đề an ninh toàn cầu với việc cần phải bảo vệ hòa bình trên thế giới.                   |    |     |     |      |

**c) Sản phẩm:** Bài làm của nhóm HS gửi trên Padlet/Zalo.

**\* Tham khảo:**

**1. Hoàn thành bảng theo mẫu sau về các tổ chức UN, WTO, IMF, APEC.**

| Tên tổ chức        | Liên hợp quốc UN             | WTO                             | IMF                    | APEC           |
|--------------------|------------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------|
| Thành lập          | 1945                         | 1995                            | 1944                   | 1989           |
| Số thành viên      | 193                          | 164                             | 190                    | 21             |
| Mục tiêu hoạt động | - Duy trì hòa bình thế giới. | - Thúc đẩy thương mại toàn cầu. | Hỗ trợ tài chính và ổn | Tăng cường hợp |

|                   |                                                                                                                  |                                                                                       |                        |                     |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------|
|                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ quyền con người</li> <li>- Tăng cường hợp tác quốc tế</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải quyết tranh chấp thương mại.</li> </ul> | định kinh tế toàn cầu. | tác kinh tế khu vực |
| Việt Nam gia nhập | 1977                                                                                                             | 2007                                                                                  | 1976                   | 1998                |

2. Phân tích mối liên hệ giữa một vấn đề an ninh toàn cầu với việc cần phải bảo vệ hòa bình trên thế giới.

- An ninh toàn cầu và bảo vệ hoà bình có quan hệ qua lại với nhau....
- Bảo vệ an ninh toàn cầu đều tạo nên sự ổn định cho thế giới...
- Bảo vệ được hoà bình thế giới là cơ sở để giải quyết vấn đề an ninh toàn cầu...

#### d) Tổ chức thực hiện:

##### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu yêu cầu lên màn chiếu.
- Chia thành 4 nhóm hoạt động trực tiếp tại lớp.
- GV hướng dẫn cụ thể: “Các nhóm thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ trên giấy A4. Ngay khi làm xong, nhóm trưởng nộp kết quả làm việc của nhóm cho giáo viên.

##### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS ngồi theo nhóm, nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để hoàn thành yêu cầu GV giao.
- Thời gian: 05 phút.

##### Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi đại diện 2 nhóm thuyết trình về sản phẩm.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

##### Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đánh giá chất lượng kiến thức thể hiện trên sản phẩm của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt lại kiến thức chuẩn có liên quan.

#### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

##### a) Mục tiêu:

- Vận dụng tri thức địa lí để tìm hiểu sâu hơn về hoạt động của các tổ chức quốc tế hoặc khu vực.
- Năng lực AI [NLA]: Sử dụng công cụ AI (ChatGPT/Gemini) tra cứu báo cáo của IEA về xu hướng năng lượng sạch toàn cầu; thiết kế Infographic bằng Canva.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để hoàn thành yêu cầu: tra cứu báo cáo của IEA về xu hướng năng lượng sạch toàn cầu; thiết kế Infographic bằng Canva.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của nhóm HS gửi trên Padlet/Zalo.

##### \* Tham khảo

##### Chủ đề chính: Bức Tranh Chuyển Dịch Năng Lượng Sạch Toàn Cầu

- **Bùng nổ Điện mặt trời (Solar PV):** Tăng trưởng kỷ lục +600 TWh trong năm qua, đóng góp hơn 8% tổng lượng điện toàn cầu.
- **Kỷ lục năng lượng tái tạo:** Tổng công suất năng lượng tái tạo bổ sung mới đạt mốc **800 GW/năm**. Năng lượng tái tạo và hạt nhân đáp ứng hầu hết mức tăng trưởng nhu cầu điện toàn cầu.
- **Lưu trữ điện (Battery Storage):** Công suất lưu trữ pin tăng trưởng **40%**, đạt gần 110 GW bổ sung mới.

- Xe điện (EVs):** Doanh số xe điện tăng hơn **20%**, vượt mốc 20 triệu xe bán ra (chiếm ~25% tổng lượng xe máy bán ra toàn cầu).
- Giảm phát thải nhờ công nghệ sạch:** Việc triển khai công nghệ sạch từ năm 2019 giúp giảm tiêu thụ khoảng 35 EJ nhiên liệu hóa thạch và cắt giảm **3 tỷ tấn CO2/năm**.

## BÁO CÁO XU HƯỚNG NĂNG LƯỢNG SẠCH TOÀN CẦU

Dữ liệu trọng tâm từ IEA & Hướng dẫn thiết kế Infographic chi tiết trên Canva

### ⚡ Tóm Tắt Tổng Quan từ Báo Cáo IEA (World Energy Outlook)

Làn sóng chuyển dịch năng lượng sạch toàn cầu đang thiết lập các kỷ lục mới về công suất lắp đặt điện mặt trời, tỷ lệ phổ cập xe điện và sự bùng nổ của hạ tầng lưu trữ pin. Việc triển khai quy mô lớn từ năm 2019 đã trực tiếp cắt giảm hàng tỷ tấn CO2 phát thải mỗi năm, đóng vai trò then chốt trong mục tiêu trung hòa carbon.

### 1. CHỈ SỐ CỐT LÕI TẦM ẢNH HƯỞNG GLOBAL

**800 GW**

Công Suất Tái Tạo Mới

Đạt kỷ lục bổ sung hàng năm

**+600 TWh**

Sản Lượng Điện Mặt Trời

Chiếm >8% tổng sản lượng toàn cầu

**3 Tỷ Tấn**

Cắt Giảm Phát Thải CO2

Nhờ công nghệ sạch từ 2019

### 2. BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU TĂNG TRƯỞNG CÔNG NGHỆ SẠCH

| PHÂN PHÂN LĨNH VỰC            | CHỈ SỐ TĂNG TRƯỞNG | QUY MÔ / SẢN LƯỢNG      | TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG / THỊ         |
|-------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------------------------------|
| Điện Mặt Trời (Solar PV)      | +600 TWh / năm     | > 8% Tổng điện toàn cầu | Dẫn đầu tốc độ bổ sung nguồn      |
| Xe Điện (EVs)                 | +20% Doanh số      | > 20 Triệu xe / năm     | Chiếm ~25% tổng thị phần xe b     |
| Lưu Trữ Pin (Battery Storage) | +40% Công suất     | 110 GW Lắp đặt mới      | Đảm bảo ổn định cho hệ thống      |
| Năng Lượng Tái Tạo Tổng       | +800 GW / năm      | Hạt nhân + Tái tạo      | Đáp ứng gần như toàn bộ tăng điện |

#### d) Tổ chức thực hiện:

##### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu yêu cầu, giao nhiệm vụ cụ thể cho 4 nhóm thực hiện ở nhà.

- GV hướng dẫn cụ thể: “Về nhà, các nhóm mở công cụ ChatGPT/Gemini và ra lệnh: tra cứu báo cáo của IEA về xu hướng năng lượng sạch toàn cầu; thiết kế Infographic bằng Canva. Hoàn thiện và nộp bản báo cáo lên nhóm Padlet/Zalo lớp trước tiết sau”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Tại nhà, các nhóm dùng AI tạo khung văn bản thô theo cấu trúc gợi ý.  
- HS tiến hành họp nhóm trực tuyến, thực hiện Fact-check, dùng kiến thức thực tế để sửa lỗi sai của AI (nếu có). Hoàn thiện và nộp bài làm lên Padlet/Zalo.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Vào đầu tiết học tiếp theo, GV mở Padlet/Zalo chiếu bài nộp của một nhóm đại diện.  
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá quá trình tự học và tư duy phản biện ở nhà của HS.  
- GV hướng dẫn HS chốt kiến thức có liên quan.

**4. Củng cố, dặn dò:** GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.  
- Hoàn thành yêu cầu phần vận dụng.  
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 5. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ ĐẶC ĐIỂM VÀ BIỂU HIỆN CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨC

**Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển**

**Ngày soạn: 20/09/2026**

**Giáo viên: Nguyễn Thị Linh**

**Lớp dạy: 11/3, 11/8, 11/9**

**Thời gian: tuần 4**

## **TIẾT 8. BÀI 5. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ ĐẶC ĐIỂM VÀ BIỂU HIỆN CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨC**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

#### **2. Năng lực:**

##### **a) Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Chủ động tìm kiếm, thu thập tài liệu để phục vụ việc viết báo cáo thực hành.

- Giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm hiệu quả, phân công nhiệm vụ rõ ràng để thống nhất nội dung báo cáo.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ, internet...

##### **b) Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí: Phát hiện và giải thích được đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí (Internet, thiết bị số) để tìm kiếm, thu thập, chọn lọc tài liệu và phân tích thông tin.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến viết báo cáo về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

##### **c) Năng lực số và AI.**

- 1.1NC1a, 611NC1b, 11.C2MR1. Sử dụng công cụ AI (ChatGPT/Gemini) tóm tắt các trụ cột của kinh tế tri thức và ứng dụng của AI trong nền kinh tế số.

#### **3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về thành tựu hội nhập công nghệ của quốc gia.

- Chăm chỉ: Tích cực tìm tòi tài liệu học tập, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Trung thực: Minh bạch, rõ ràng trong việc trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo cho báo cáo.

- Trách nhiệm: Nghiêm túc trong học tập, hoàn thành tốt phần việc được nhóm phân công.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

#### **1. Thiết bị dạy học:**

- GV: Máy tính cá nhân, Tivi, máy chiếu... kết nối mạng Internet.

- HS: Thiết bị số cá nhân (điện thoại thông minh/máy tính bảng) có kết nối mạng di động/Wifi.

#### **2. Học liệu:**

- SGK Địa lí 11.

- Tài liệu tham khảo về nền kinh tế tri thức.

- Giấy khổ lớn (A4, A0), bút dạ, bút màu.

#### **3. Nền tảng số và Công cụ AI:**

- Nền tảng số: Nhóm Zalo của lớp, ứng dụng Padlet.
- Công cụ AI: ChatGPT hoặc Google Gemini.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định:

| Tiết | Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|------|----------|-----|-------|---------|
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |
|      |          |     |       |         |

2. Kiểm tra bài cũ: GV kiểm tra, nhận xét, đánh giá sản phẩm hoạt động vận dụng ở nhà của nhóm HS.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu:

- HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm của bài thực hành.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu. Sử dụng SGK, hoạt động cá nhân. Trả lời câu hỏi: Dựa vào Email trên, em hãy xác định yêu cầu của bài thực hành hôm nay là gì?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS. Xác định đúng nội dung thực hành:

|                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------|
| 1. Nội dung                                                         |
| Viết báo cáo về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. |

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu slide giao diện Email do AI thiết kế lên màn chiếu.
- GV yêu cầu HS quan sát văn bản và đối chiếu với SGK. GV nêu câu hỏi: “CEO AI vừa gửi cho lớp chúng ta một email khẩn. Các ‘chuyên gia phân tích’ hãy cho biết yêu cầu duy nhất của bài thực hành hôm nay là gì?”.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát màn chiếu, suy nghĩ trong 01 phút.
- HS vận dụng kiến thức, xây chuỗi kiến thức để suy nghĩ câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 2 HS phát biểu nhanh.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động, câu trả lời của HS.
- GV chốt lại các yêu cầu trọng tâm và dẫn dắt vào bài thực hành.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động. Thực hành

a) Mục tiêu:

- HS thu thập được tư liệu và viết được báo cáo về đặc điểm, biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

- Năng lực số [1.1.NC1b]: Sử dụng thiết bị di động truy cập môi trường số tìm kiếm thông tin, ví dụ thực tiễn để minh họa cho báo cáo.

b) Nội dung: HS quan sát màn chiếu, SGK, làm việc theo 4 nhóm để thực hiện các bước chuẩn bị và tìm hiểu gợi ý thông tin tham khảo theo hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung báo cáo.

|                  |
|------------------|
| 2. Nguồn tư liệu |
|------------------|

- Các trang web có độ tin cậy cao của các tổ chức, cơ quan trên thế giới và Việt Nam (có thể truy cập trang web <https://scholar.google.com> và gõ từ khóa “kinh tế tri thức” để tìm đọc các bài viết có liên quan).
- Các sách, báo cáo,... về kinh tế tri thức.

### 3. Gợi ý cấu trúc báo cáo

#### NỀN KINH TẾ TRI THỨC

##### 1. Khái niệm

- Tri thức
- Nền kinh tế tri thức

##### 2. Đặc điểm nền kinh tế tri thức

- Tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp
- Nền kinh tế dựa ngày càng nhiều vào các thành tựu của khoa học - công nghệ
- Cơ cấu lao động được chuyển dịch theo hướng ngày càng coi trọng lao động trí tuệ
- Quyền sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên quan trọng
- Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế toàn cầu

##### 3. Biểu hiện nền kinh tế tri thức

- Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển đổi ngày càng nhanh theo hướng tăng nhanh giá trị gia tăng
- Tốc độ đổi mới nhanh, sản xuất công nghệ trở thành ngành sản xuất đặc biệt quan trọng
- Đặc tính, cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực trong nền kinh tế tri thức thay đổi căn bản

### 4. Thông tin tham khảo

Kinh tế tri thức là nền kinh tế phát triển dựa trên sức mạnh của tri thức để sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế. Bao gồm các hoạt động chuyển giao, cải tiến, nghiên cứu các công nghệ với mục đích tạo ra nhiều của cải vật chất, nâng cao chất lượng sống của người dân.

Có thể khái quát đặc điểm của kinh tế tri thức ở những mặt sau:

Thứ nhất, tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp. Nền kinh tế tri thức lấy tri thức là nguồn lực có vị trí quyết định nhất của sản xuất, là động lực quan trọng nhất cho sự phát triển.

Thứ hai, nền kinh tế dựa ngày càng nhiều vào các thành tựu của khoa học - công nghệ. Trong nền kinh tế tri thức, sản xuất dựa ngày càng nhiều vào việc ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao.

Thứ ba, cơ cấu lao động được chuyển dịch theo hướng ngày càng coi trọng lao động trí tuệ. Trong nền kinh tế tri thức, cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm số lao động trực tiếp làm ra sản phẩm, tăng số lao động trí tuệ. Nguồn nhân lực nhanh chóng được tri thức hoá, sáng tạo, đổi mới, học tập trở thành nhu cầu thường xuyên đối với mọi người.

Thứ tư, quyền sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên quan trọng. Quyền sở hữu trí tuệ là sự bảo đảm pháp lý cho tri thức và sự đổi mới sáng tạo sẽ tiếp tục được tạo ra, duy trì và phát triển. Các tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên quan trọng. Việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được xem là một nguyên tắc cơ bản trong sự vận động và phát triển của nền kinh tế tri thức.

Thứ năm, nền kinh tế tri thức là nền kinh tế toàn cầu. Nền kinh tế tri thức chỉ được hình thành và phát triển khi lực lượng sản xuất xã hội đã phát triển ở trình độ cao, phân công lao động mang tính quốc tế và hệ thống sản xuất mang tính kết nối giữa các doanh nghiệp, các quốc gia trong một chuỗi giá trị sản phẩm.

**c) Sản phẩm:** Bản báo cáo đã được hoàn thiện của HS theo gợi ý.

## \* Tham khảo

### NỀN KINH TẾ TRI THỨC

#### 1. Khái niệm

- Có nhiều định nghĩa về tri thức, theo Becerra tri thức là “sự giải mã về một mối quan hệ giữa các khái niệm có liên quan đến những lĩnh vực cụ thể, tri thức là tài sản vô giá và là nền tảng lợi thế cạnh tranh của một tổ chức.
- Theo định nghĩa của World Bank, kinh tế tri thức là: “nền kinh tế dựa vào tri thức như động lực chính cho sự tăng trưởng kinh tế”.

#### 2. Một số đặc điểm của kinh tế tri thức

- Tri thức là nhân tố sản xuất quan trọng nhất, đóng góp chính vào sự phát triển của xã hội.
- Lao động tri thức chiếm tỉ trọng cao trong sản xuất.
- Dịch vụ với các ngành cần nhiều tri thức là chủ yếu trong cơ cấu kinh tế.
- Công nghệ thông tin và truyền thông có tính chất quyết định.
- Công nghệ cao, các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 là động lực chủ yếu để phát triển kinh tế - xã hội.
- Giáo dục đóng vai trò quan trọng.
- Quyền sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên quan trọng.
- Là một nền kinh tế hướng đến sự phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

#### 3. Biểu hiện của kinh tế tri thức

- Một số biểu hiện của kinh tế tri thức:
  - + Hoạt động sản xuất kinh doanh nhờ áp dụng nguyên liệu và năng lượng tự nhiên nên tạo ra những sản phẩm sạch và không gây ô nhiễm môi trường. Từ đó tạo tiền đề phát triển bền vững.
  - + Sản xuất sản phẩm theo nhu cầu tiêu dùng, luôn luôn có sự cân bằng giữa cung và cầu, hạn chế hàng tồn kho.
  - + Cái mới luôn được sáng tạo liên tục chứ không phải từ cái cũ phát triển lên.
  - + Quá trình nghiên cứu, sáng tạo của con người luôn không ngừng được thực đẩy, phát triển ra kỹ thuật công nghệ hiện đại.
  - + Có sự ứng dụng công nghệ thực tế - ảo trong các hoạt động như học tập, thiết kế, xây dựng, kiến trúc, thực nghiệm khoa học,... giúp tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc, đồng thời nâng cao năng suất lao động.
- Một số ví dụ về các sản phẩm ứng dụng của nền kinh tế tri thức:
  - + Các nguồn năng lượng tái tạo, như: năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió, năng lượng thủy triều,...
  - + Các loại rô-bốt thông minh, như: rô-bốt phẫu thuật (trong lĩnh vực y tế); rô-bốt thu hoạch nông sản (trong lĩnh vực kinh tế); rô-bốt chăm sóc trẻ em,...
  - + Các phần mềm quản lý hồ sơ HS; theo dõi sự tiến bộ của HS,... (trong lĩnh vực giáo dục).

#### d) Tổ chức thực hiện:

##### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chia lớp thành 4 nhóm để lập báo cáo trên giấy khổ lớn.
- Kịch bản điều khiển công nghệ của GV: “*Trong quá trình tổng hợp báo cáo, mỗi nhóm cử 1 bạn dùng điện thoại truy cập Google, tìm kiếm hình ảnh hoặc thông tin thực tế về một sản*

phẩm công nghệ 4.0 đang được ứng dụng ở Việt Nam hiện nay để thuyết minh sinh động cho phần ‘Biểu hiện’”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm phân công công việc. Một HS sử dụng thiết bị số tra cứu số liệu/ví dụ thực tế.
- Các HS khác hệ thống hóa kiến thức từ SGK để phác thảo báo cáo.
- HS hoạt động nhóm trong khoảng thời gian: 07 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày sản phẩm.
- Yêu cầu HS nêu rõ ví dụ thực tiễn bằng hình ảnh hoặc thông tin số vừa tra cứu được. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung cho nhau.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá về kỹ năng tổng hợp thông tin, kỹ năng số của HS.
- Chốt lại cấu trúc chuẩn của báo cáo lên màn chiếu.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức về sự phân hóa tự nhiên, rèn luyện kỹ năng giải quyết câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

**b) Nội dung:** HS hoạt động nhóm để hoàn thành phiếu trắc nghiệm.

**I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

**Câu 1:** Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế dựa trên

- A. tri thức, kỹ thuật, công nghệ cao.
- B. tri thức, kỹ thuật, giàu tài nguyên.
- C. tri thức, công nghệ cao, lao động.
- D. tri thức, lao động, vốn dồi dào.

**Câu 2:** Khoa học và công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, vì đã

- A. tham gia vào quá trình sản xuất.
- B. tạo ra nhiều ngành công nghiệp.
- C. tạo ra các dịch vụ nhiều tri thức.
- D. thực sự trực tiếp làm ra sản phẩm.

**Câu 3:** Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại xuất hiện với đặc trưng là

- A. sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng các vật liệu mới.
- B. khoa học công nghệ thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- C. có quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nhanh chóng.
- D. sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng công nghệ cao.

**Câu 4:** Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nền kinh tế tri thức diễn ra như thế nào?

- A. Tăng nhanh nông, lâm, ngư; giảm rất nhanh công nghiệp, dịch vụ.
- B. tăng rất nhanh dịch vụ và công nghiệp; giảm nhẹ nông, lâm, ngư.
- C. Giảm nông, lâm, ngư; giảm nhẹ công nghiệp; tăng nhanh dịch vụ.
- D. tăng nhanh dịch vụ và công nghiệp; giảm rất nhanh nông, lâm, ngư.

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm nền kinh tế tri thức?

- A. Lao động thủ công chiếm tỉ lệ cao.
- B. Công nghệ thông tin có tính quyết định.
- C. Công nghiệp chiếm tỉ trọng chủ yếu.
- D. Phát triển đồng đều tất cả các ngành.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của nhóm HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công vị trí hoạt động trực tiếp tại lớp.
- GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ phiếu trắc nghiệm có chứa nội dung 7 câu hỏi.

- GV hướng dẫn cụ thể: “Các nhóm thảo luận chọn đáp án đúng cho 5 câu hỏi trắc nghiệm dạng 1. Yêu cầu về một sơ đồ mũi tên cực kì ngắn gọn giải thích lí do chọn đáp án đó ra giấy. Ngay khi làm xong, nhóm trưởng nộp kết quả cho giáo viên.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS ngồi theo nhóm, phân tích câu hỏi, chốt đáp án, ghi giải thích vào phiếu.
- Thời gian: 03 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV thu lại phiếu trắc nghiệm, phân công 1 HS theo dõi và tổng hợp kết quả hoạt động của từng nhóm.
- GV chiếu lần lượt từng câu hỏi, gọi HS đại diện nhóm trả lời và giải thích.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét đáp án.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV trình chiếu kết quả hoạt động của từng nhóm.
- GV đánh giá tư duy logic trong việc giải thích đáp án của HS.
- GV chốt đáp án chuẩn.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Liên hệ được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.
- Năng lực số: Sử dụng công cụ AI (ChatGPT/Gemini) tóm tắt các trụ cột của kinh tế tri thức và ứng dụng của AI trong nền kinh tế số.

**b) Nội dung:** HS hoạt động nhóm để hoàn thành.

|                                                                                                                                                                                                             |                                                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Thông tin tham khảo                                                                                                                                                                                         |                                                             |
| Nền kinh tế tri thức (Knowledge-Based Economy) là nền kinh tế mà trong đó sự sáng tạo, sự lan truyền và việc sử dụng tri thức đóng vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế và tạo ra của cải. |                                                             |
| Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank), nền kinh tế tri thức được xây dựng dựa trên 4 trụ cột chính:                                                                                                          |                                                             |
| Bảng Tóm Tắt Vai Trò Các Trụ Cột                                                                                                                                                                            |                                                             |
| Trụ cột                                                                                                                                                                                                     | Vai trò chính                                               |
| Thể chế & Môi trường                                                                                                                                                                                        | Tạo "sân chơi" an toàn, công bằng cho hoạt động sáng tạo    |
| Giáo dục & Nhân lực                                                                                                                                                                                         | Cung cấp "con người" có đủ năng lực tạo ra và dùng tri thức |
| Hệ thống Đổi mới                                                                                                                                                                                            | Động cơ tạo ra "sản phẩm/công nghệ mới"                     |
| Hạ tầng ICT                                                                                                                                                                                                 | "Phương tiện" phân phối tri thức nhanh nhất đến toàn xã hội |
| Trong nền kinh tế số, Trí tuệ nhân tạo (AI) đóng vai trò là <b>động cơ cốt lõi</b> giúp tối ưu hóa vận hành, tự động hóa quy trình và tạo ra các mô hình kinh doanh mới. AI không chỉ giúp                  |                                                             |

xử lý khối lượng dữ liệu khổng lồ mà còn chuyển hóa dữ liệu đó thành giá trị kinh tế thực tế.

Dưới đây là các ứng dụng trọng tâm của AI trong từng lĩnh vực cốt lõi của nền kinh tế số:

**Bảng Tóm Tắt Tác Động Kinh Tế Của AI**

| Lĩnh vực ứng dụng          | Giá trị cốt lõi mang lại                                           |
|----------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Thương mại & Bán lẻ        | Tăng tỷ lệ chuyển đổi đơn hàng & Giá trị vòng đời khách hàng       |
| Tài chính - Ngân hàng      | Giảm tỷ lệ nợ xấu & Ngăn ngừa tổn thất giao dịch                   |
| Chuỗi cung ứng & Logistics | Cắt giảm chi phí vận hành & Tăng tốc độ giao hàng                  |
| Sản xuất công nghiệp       | Giảm thời gian gián đoạn dây chuyền & Nâng cao chất lượng sản phẩm |

**c) Sản phẩm:** Bài làm của nhóm HS gửi trên Padlet/Zalo.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv yêu cầu hs sử dụng điện thoại thông minh có kết nối Internet vào (ChatGPT/Gemini) tóm tắt các trụ cột của kinh tế tri thức và ứng dụng của AI trong nền kinh tế số.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS ngồi theo nhóm, phân công nhiệm vụ cho các thành viên hoàn thành yêu cầu của giáo viên.
- Khi gần hết giờ, đại diện các nhóm chụp và gửi file sản phẩm lên nhóm Padlet/Zalo.
- Thời gian: 03 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV chiếu 1 số sản phẩm của 3 nhóm bất kỳ, gọi HS đại diện nhóm trả lời và giải thích.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét đáp án.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV trình chiếu kết quả hoạt động của từng nhóm.
- GV đánh giá tư duy logic trong việc giải thích đáp án của HS.
- GV chốt đáp án chuẩn và lựa chọn nhóm có kết quả hoạt động tốt nhất để khen thưởng.

**4. Củng cố, dặn dò:** GV nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài thực hành.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành yêu cầu phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 6. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC MỸ LA-TINH



